

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2022/DS-ST

Ngày: 31/8/2022

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thế Trang Đền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Cảnh
2. Bà Võ Thị Thanh Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thành Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2022/TLST- DS ngày 04 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/2022/QĐST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị Tuyết A, sinh năm: 1980; Địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện G, tỉnh B.

+ ả gười đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đỗ Hiệp Ph, sinh năm: 1995; Địa chỉ: ấp Trung B, xã ả hị Bình, huyện C, tỉnh T

- *Bị đơn:* Bà ả guyễn Thị S, sinh năm: 1980; Địa chỉ: Ấp P, xã C, huyện G, tỉnh B.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Đỗ Hiệp P có mặt, bà S vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn ngày 09/12/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Đặng Thị Tuyết A và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Đỗ Hiệp P trình bày:

Do có quen biết với nhau nên bà Tuyết An có cho bà S mượn tạm số tiền là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng vào ngày 16/12/2018 âm lịch. Bà S viết giấy tay với nội dung: “ Giấy nợ” “Tôi tên: ả guyễn Thị S, sinh năm 1980...có mượn của chị Đặng Thị Tuyết A số tiền 100.000.000 (đồng) (một trăm triệu đồng chẵn)” và ký tên “So” viết tên “ả guyễn Thị S”. Thời hạn là 06 tháng, không có thỏa thuận lãi suất. Mục đích mượn tiền để sinh hoạt gia đình và kinh doanh, mua bán dừa hấu. Đến hết thời hạn 06 tháng, bà A đã đòi nhiều lần nhưng bà S không thực hiện đúng như hợp đồng. Đến nay, bà S vẫn chưa trả cho bà A. Vì vậy, bà A có yêu cầu bà S phải trả cho bà số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng; yêu cầu tính lãi 1%/tháng từ ngày 17/6/2020 tạm tính đến ngày 17/11/2021 là 17 tháng với số tiền lãi tạm tính là 17.000.000 (Mười bảy triệu) đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu về việc tính lãi: yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật với lãi suất là 0,83%/tháng, thời gian tính lãi kể từ ngày 17/6/2020 đến ngày 17/11/2021.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện G đã thông báo và tổ chức công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà S vắng mặt không lý do.

Do không thể tiến hành hòa giải được, Tòa án nhân dân huyện G đã đưa vụ án ra xét xử vào ngày 27 tháng 7 năm 2022, bà S vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm được mở lại vào ngày hôm nay nhưng bà S vắng mặt không lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Thẩm phán đã xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, đúng quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ trong quá trình tố tụng... Thẩm phán đảm bảo đúng theo thời gian giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật, vô tư, khách quan.

Đối với nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; Đối với bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Bà A khởi kiện yêu cầu bà S có trách nhiệm trả cho bà A số tiền vay là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định. Xét thấy lời trình bày của bà A căn cứ vào giấy tay ghi nợ mà bà A cung cấp có nội dung rõ ràng, thể hiện bà S có nợ của bà A số tiền là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng. Bà A cho rằng bà S chưa trả cho bà A, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bà S vắng mặt không lý do. ấ hư vậy, bà S đã từ chối việc trình bày và cung cấp chứng cứ. Do đó, căn cứ vào giấy nợ do bà S viết là việc bà S còn nợ của bà A số tiền là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng, có căn cứ chấp nhận yêu cầu đòi lại số tiền vay của bà A. Việc bà A có yêu cầu tính lãi là phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà ấ guyễn Thị S là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà S.

[2] ấ i nội dung vụ án: Bà Đặng Thị Tuyết A khởi kiện bà ấ guyễn Thị S yêu cầu có nghĩa vụ trả cho bà số tiền còn nợ là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng vì bà cho rằng bà S có vay của bà số tiền là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng và bà S có viết “Giấy nợ” đề ngày 16/12/2019.

Xét “Giấy nợ” đề ngày 16/12/2019 nói trên giữa người vay là bà ấ guyễn Thị S và người cho vay là bà Đặng Thị Tuyết A là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên đương sự không trái với quy định pháp luật và đạo đức xã hội nên được điều chỉnh theo quy định của Bộ luật dân sự. Đây là hợp đồng vay tài sản có thời hạn và không có lãi.

Xét hợp đồng vay tài sản giữa bà Tuyết A và bà S thì vào ngày 16/12/2019 bà Tuyết An có cho bà S vay số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng, bà S viết giấy tay “Giấy nợ” có hai bên ký tên và viết tên vào.

Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của phía nguyên đơn theo đơn khởi kiện và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là có căn cứ bởi vì “Giấy nợ” nói trên bà ả guyễn Thị S đã ký tên và viết rõ họ và tên, trong nội dung “Giấy nợ” có thể hiện rõ: “Tôi tên: ả guyễn Thị S, sinh năm 1980...có mượn của chị Đặng Thị Tuyết A số tiền 100.000.000 (đồng) (một trăm triệu đồng chẵn) thời hạn 06 tháng kể từ ngày 16/12/2019 đến ngày 16/6/2020” và ký tên “So” viết tên “ả guyễn Thị S”. Vậy, cần xác định việc bà S có vay của bà Tuyết An là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng là có căn cứ.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Bà A cho rằng khi đến hết hạn hợp đồng, nhiều lần bà A có yêu cầu bà S phải trả nợ gốc theo hợp đồng nhưng bà S không thực hiện. ả hư vậy, bà S đã vi phạm hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho bà Tuyết An, bà S đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Tuyết An nên xét yêu cầu của bà Tuyết A là có cơ sở chấp nhận là phù hợp.

Hội đồng xét xử xét thấy đối với bà S: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhưng bà S vắng mặt không lý do. Do đó, bà S đương nhiên đã từ bỏ quyền lợi trình bày và quyền cung cấp chứng cứ của mình tại tòa, Hội đồng xét xử không thể xem xét yêu cầu của bà S được, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp.

Về lãi suất: Căn cứ vào Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự thì đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn kể từ ngày 17/6/2020 là ngày hết thời hạn hợp đồng đến ngày 17/11/2021 là có căn cứ chấp nhận. Việc yêu cầu tính lãi đến ngày 17/11/2021 là sự tự nguyện của phía nguyên đơn, không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội và đảm bảo quyền lợi của phía bị đơn nên được chấp nhận. Số tiền lãi được tính cụ thể như sau:

$(100.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng}) \times 17 \text{ tháng} = 14.110.000 \text{ đồng}.$

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Từ những phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Tuyết A về việc yêu cầu buộc bà ả guyễn Thị S phải trả số tiền nợ gốc là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng và tiền lãi là 14.110.000 (Mười bốn triệu một trăm mười nghìn) đồng.

ả hư vậy, tổng số tiền buộc bà S có nghĩa vụ trả cho bà A là 114.110.000 (Một trăm mười bốn triệu một trăm mười nghìn) đồng.

Về án phí: Buộc bà ả guyễn Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là $114.110.000 \text{ đồng} \times 5\% = 5.705.000 \text{ đồng}.$

Bà Đặng Thị Tuyết A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà A số tiền tạm ứng án phí bà A đã nộp là 2.925.000 (Hai triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0004577 ngày 31/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh B.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Đặng Thị Tuyết A về việc yêu cầu bà ả guyễn Thị S có trách nhiệm trả lại cho bà Đặng Thị Tuyết A số tiền vay vốn là 100.000.000 (*Một trăm triệu*) đồng và yêu cầu tính lãi thời gian là 17 tháng theo quy định của pháp luật.

2. Buộc bà ả guyễn Thị S có trách nhiệm trả lại cho bà Đặng Thị Tuyết A tổng số tiền là 114.110.000 (*Một trăm mười bốn triệu một trăm mười nghìn*) đồng, gồm số tiền gốc là 100.000.000 (*Một trăm triệu*) đồng và số tiền lãi là 14.110.000 (*Mười bốn triệu một trăm mười nghìn*) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Đặng Thị Tuyết A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà ả guyễn Thị S chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền như án tuyên thì hàng tháng bà S còn phải trả cho bà A số tiền lãi đối với khoản nợ gốc theo Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà ả guyễn Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 5.705.000 (*Năm triệu bảy trăm lẻ năm nghìn*) đồng

Bà Đặng Thị Tuyết A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà A số tiền tạm ứng án phí bà A đã nộp là 2.925.000 (Hai triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0004577 ngày 31/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh B.

Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày: Đối với nguyên đơn có mặt tại tòa thì kể từ ngày tuyên án; Đối với bị đơn vắng mặt tại tòa thì kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú của bị đơn, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSở D huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAA D tỉnh B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Võ Thế Trang Đền